

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 4 tháng 12 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN I.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ THỊ XÃ PHỔ YÊN

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Triệu Hoài Bắc	1	04	7.0	Bảy	
2	Lê Thị Bảy	2	05	7.5	Bảy rưỡi	
3	Ngô Hải Biên	3	69	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Thị Bưởi	4	21	7.5	Bảy rưỡi	
5	Lê Văn Cương	5	51	7.5	Bảy rưỡi	
6	Bùi Thị Dung	6	01	7.5	Bảy rưỡi	
7	Trần Thị Dung	7	03	7.5	Bảy rưỡi	
8	Đào Việt Dũng	8	06	7.5	Bảy rưỡi	
9	Dương Tiến Dũng	9	74	7.5	Bảy rưỡi	
10	Lê Tiến Dũng	10	38	7.0	Bảy	
11	Lê Đắc Đạt	11	32	7.5	Bảy rưỡi	
12	Nguyễn Thị Diệp (A-1985)	12	34	7.5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Thị Diệp (B-1978)	13	60	7.5	Bảy rưỡi	
14	Hà Văn Đồng	14	47	7.5	Bảy rưỡi	
15	Lê Thị Giang	15	14	7.5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Thị Hà	16	15	7.0	Bảy	
17	Dương Việt Hà	17	66	7.0	Bảy	
18	Hoàng Thúy Hồng Hà	18	37	7.5	Bảy rưỡi	
19	Lê Xuân Hằng	19	02	7.5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Thị Hằng	20	26	7.5	Bảy rưỡi	
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	21	57	7.5	Bảy rưỡi	
22	Dương Thị Hoan	22	56	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Đặng Thị Hoàn	23	33	7.5	Bảy rưỡi	
24	Bùi Thị Hồng	24	16	7.5	Bảy rưỡi	
25	Hà Thị Hồng	25	52	8.0	Tám	
26	Nguyễn Thị Thu Hồng	26	31	8.0	Tám	
27	Nguyễn Quốc Hưng	27	65	7.0	Bảy	
28	Dương Thị Hương	28	13	8.0	Tám	
29	Nguyễn Thị Thu Hương A-1985	30	09	7.5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Thu Hương B-1984	29	42	7.5	Bảy rưỡi	
31	Lê Thị Huyền	31	36	8.0	Tám	
32	Trần Thị Huyền	32	30	8.0	Tám	
33	Nguyễn Thị Lâm	33	23	7.5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Thị Liên	34	28	7.5	Bảy rưỡi	
35	Phạm Quang Lưu	35	71	7.0	Bảy	
36	Nguyễn Thị Mai	36	49	7.5	Bảy rưỡi	
37	Đồng Thị Mây	37	50	7.5	Bảy rưỡi	
38	Nguyễn Thị Na	38	41	7.5	Bảy rưỡi	
39	Dương Văn Nam	39	24	7.0	Bảy	
40	Đặng Thị Phương Nga	40	22	7.5	Bảy rưỡi	
41	Nguyễn Thị Bích Nga	41	54	8.0	Tám	
42	Nguyễn Thị Thanh Ngà	42	53	8.0	Tám	
43	Đinh Thủy Nguyên	43	55	7.5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Chí Nhân	44	46	7.5	Bảy rưỡi	
45	Dương Thị Trang Nhung	45	11	8.0	Tám	
46	Nguyễn Thị Hồng Nhung	46	07	7.5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Hoàng Phương	47	08	8.0	Tám	
48	Trần Văn Quân	48	64	7.0	Bảy	
49	Luân Thị Quế	49	58	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Quyên	50	12	7.5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Quỳnh	51	29	7.5	Bảy rưỡi	
52	Lê Minh Sơn	52	63	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Lê Văn Thanh	53	62	7.5	Bảy rưỡi	
54	Trần Phương Thanh	54	59	7.5	Bảy rưỡi	
55	Dương Văn Thao	55	70	7.0	Bảy	
56	Nguyễn Thị Thắm	56	73	8.0	Tám	
57	Hà Đức Thịnh	57	61	7.5	Bảy rưỡi	
58	Lê Xuân Thọ	58	18	7.5	Bảy rưỡi	
59	Nguyễn Thị Hạnh Thu	59	72	7.5	Bảy rưỡi	
60	Trần Văn Thu	60	10	7.5	Bảy rưỡi	
61	Lưu Thị Thu	61	20	8.0	Tám	
62	Lê Thái Thục	62	43	8.0	Tám	
63	Trần Đình Thúc	63	40	7.0	Bảy	
64	Đỗ Thị Thúy	64	44	7.5	Bảy rưỡi	
65	Hà Thị Thu Trang	65	35	7.5	Bảy rưỡi	
66	Hoàng Minh Tuấn	66	39	7.5	Bảy rưỡi	
67	Nguyễn Thị Anh Tuyết	67	17	7.5	Bảy rưỡi	
68	Dương Thị Tứ	68	48	7.5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Thị Vân	69	45	8.0	Tám	
70	Nguyễn Xô Việt	70	68	6.5	Sáu rưỡi	
71	Bùi Văn Vinh	71	67	7.5	Bảy rưỡi	
72	Lý Thanh Xuân	72	19	7.5	Bảy rưỡi	
73	Tạ Hồng Xuân	73	27	8.0	Tám	
74	Lưu Như Ý	74	25	7.5	Bảy rưỡi	



**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Phúc Ái

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**

Vũ Mạnh Hà

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên